| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH NINH THUẬN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 681 /QĐ-UBND | *Ninh Thuận, ngày 27 tháng 10 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;*

*Căn cứ Công văn số 3759/BNV-CCHC ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3240/TTr-SNV ngày 19 tháng 10 năm 2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2.** Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai

đoạn 2021 - 2025 và hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo nội dung Kế hoạch này.

Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC thuộc Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: LĐ, CV;
- Lưu: VT, VXNV. ĐNĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Nam**

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# KẾ HOẠCH

**Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 681 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 3759/BNV-CCHC ngày 02/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

## I. QUAN ĐIỂM:

Công tác cải cách hành chính phải đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt của Đảng và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đến kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện có kết quả một cách thực chất, mang tính đột phá, tạo sự chuyển biến rõ rệt, từ việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với kiểm soát quyền lực; đồng thời bám sát những định hướng chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, nhất là Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030 và Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

Xác định mục tiêu của công tác cải cách hành chính là góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra. Công tác cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm

trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước do đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Kết quả triển khai công tác cải cách hành chính là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu; là cơ sở để đánh giá năng lực cán bộ khi xem xét bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức.

**II. MỤC TIÊU:**

**1. Mục tiêu chung:**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên các lĩnh vực trong các cơ quan hành chính Nhà nước gắn kết đồng bộ với các cơ quan khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ theo vị trí việc làm, uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế; tạo nên sức mạnh tổng hợp để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

**2. Chỉ tiêu đến năm 2025:**

2.1. Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR INDEX) thuộc nhóm tỉnh loại tốt (đạt từ 80 điểm trở lên/100 điểm tối đa); nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố.

2.2. Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh (PAPI) thuộc nhóm tỉnh loại khá; nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố.

2.3. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố xếp hạng cao của cả nước.

2.4. Chỉ số mức độ hài lòng của nền hành chính (SIPAS) đạt từ 90% trở lên; nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố.

2.5. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) tiếp tục duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố.

2.6. 100% các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành đảm bảo đúng quy định pháp luật, chất lượng, khả thi.

2.7. Đơn giản hóa (rút ngắn thời gian giải quyết; tinh gọn hồ sơ; bãi bỏ; áp dụng cơ chế liên thông;…) ít nhất 20% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

2.8. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả ở bộ phận một cửa theo quy định.

2.9. Thực hiện kiểm tra đột xuất về kết quả giải quyết thủ tục hành chính ít nhất 03 cuộc/năm tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2.10. Đến năm 2025 ít nhất 80% hồ sơ luân chuyển nội bộ các cơ quan nhà nước được thực hiện theo phương thức điện tử; ít nhất 80% hồ sơ có yêu cầu thanh

toán tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó ít nhất 30% phát sinh giao dịch trực tuyến.

2.11. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tăng bình bình quân từ 5%/năm trở lên so với năm 2020.

2.12. 100% các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo quy định.

2.13. Giảm ít nhất 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% số lượng biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

2.14. Số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên chiếm từ 20% trở lên tổng số đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.15. 100% người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt.

2.16. 90% hồ sơ cấp tỉnh, 80% hồ sơ cấp huyện và 60% hồ sơ cấp xã được xử lý trên môi trường mạng *(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)*.

## III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

### 1. Cải cách thể chế:

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhất là bảo đảm sự cần thiết, tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung, sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ những văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với các Luật, văn bản của Trung ương ban hành. Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Đẩy mạnh các hình thức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực thi pháp luật ở các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân, trọng tâm là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, lấy ý kiến của Nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và về quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Thực hiện bước chuyển hướng chỉ đạo chiến lược từ việc đặt trọng tâm vào xây dựng và hoàn thiện pháp luật sang hoàn thiện và tổ chức thực thi pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, tính liên thông, gắn kết mật thiết giữa công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

### 2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Cải cách mạnh mẽ quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước nhằm tạo cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tăng cường ứng dụng thông tin, truyền thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Phấn đấu đưa 100% thủ tục hành chính cấp tỉnh *(bao gồm cả các thủ tục hành chính của cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh)* vào giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; 100% thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã tiếp tục được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính. Hoàn thành đầu tư, nâng cấp bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại ở 100% xã, phường, thị trấn. Phấn đấu 100% số lượng hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn.

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- 100% cơ quan, đơn vị có thủ tục hành chính được đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính, trong đó mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- 100% các cơ quan, đơn vị phải công khai thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức; 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời; ký số và gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.”

**3. Cải cách tổ chức bộ máy:**

- Tiếp tục triển khai rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, vị trí việc làm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định; đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp

công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đẩy mạnh thực hiện các quy định về phân cấp quản lý Trung ương - địa phương trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo nguyên tắc cơ quan hành chính nhà nước cấp trên thực hiện những việc mà cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới làm không hiệu quả. Xác định rõ ràng, minh bạch các mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc, điều kiện và chế tài các quy định phân cấp.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

- Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ..

**4. Cải cách chế độ công vụ:**

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ Nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh.

- Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Tiếp tục mở rộng và triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng và tương đương.

- Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lắp, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không cần thiết.

- Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

**5. Cải cách tài chính công:**

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị.

- Tối thiểu số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên chiếm từ 20% trở lên tổng số đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện có hiệu quả cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

**6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số:**

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- 100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh

được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công; 100% giao dịch trên các Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các cấp được xác thực điện tử.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp.

- 80% các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- 100% hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc từ tỉnh đến huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân.

- 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng *(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)*.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:20215, ưu tiên triển khai ISO điện tử.

**7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:**

- Tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, hiệu quả xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, nâng cao trách nhiệm giải trình, từng bước hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

- Nâng cao vai trò chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy Đảng, trách nhiệm của tổ chức chính trị, xã hội, người dân, doanh nghiệp đối với công tác cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính tới toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân để tạo sự đồng thuận về thực hiện công cuộc cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị gắn với tinh thần trách

nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu; thường xuyên lấy ý kiến của người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính. Triển khai công bố Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hàng năm của tỉnh.

**IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:**

**1.** Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, phân định rõ trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, địa phương, đơn vị;

Chỉ đạo cụ thể hóa các nhiệm vụ trên các trục nội dung cải cách hành chính *(cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số)* phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả và mang tính bền vững. Xác lập, giao nhiệm vụ gắn với đánh giá cán bộ, đánh giá năng lực điều hành lãnh đạo, kể cả đánh giá năng lực cạnh tranh của các Sở, ban, ngành, địa phương (Bộ chỉ số DDCI); tập trung chỉ đạo nâng cao các chỉ số thành phần còn thấp (PAPI, PAR INDEX, PCI, SIPAS, ICT); trên cơ sở đó, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và xem đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của các địa phương, đơn vị, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, phân tích những tồn tại, hạn chế cụ thể tại từng xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn quản lý để chỉ đạo chấn chỉnh, đề ra giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, khắc phục ngay trong năm 2021; tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin một cách thực chất, hiệu quả vào hoạt động của chính quyền cơ sở.

**2.** Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp, tính khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

**3.** Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi trên phương tiện khác nhau.

Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất về công tác cải cách hành chính. Thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nhất là tổng kết các mô hình, nhân rộng các điển hình, biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt và xử lý nghiêm túc những trường hợp có thái độ tiêu cực, nhũng nhiễu. Phát huy vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, các đoàn thể và Nhân dân đối với việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Đưa nội dung cải cách hành chính vào tiêu chí xét thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ gắn với khen thưởng, kỷ luật, đề bạt, luận chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

**4.** Tiếp tục đổi mới sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm bớt đầu mối, nhất là khẩn trương sắp xếp Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Văn phòng Phát triển kinh tế, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch. Tăng cường xã hội hóa, tăng nguồn thu đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội để tăng số lượng người làm việc từ nguồn thu sự nghiệp, giảm áp lực biên chế nhà nước. Kiên quyết chuyển sang cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên đối với những đơn vị sự nghiệp đảm bảo đủ điều kiện.

**5.** Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; xem đây là khâu đột phá quan trọng nhất của công tác cải cách hành chính, là nhiệm vụ then chốt để vận hành, thúc đẩy các trục nội dung còn lại trong công tác cải cách hành chính. Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá cán bộ, công chức gắn với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ. Đổi mới công tác tuyển dụng, công tác bố trí cán bộ theo hướng chất lượng, nâng cao tính cạnh tranh, dân chủ, công khai, minh bạch. Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm về kỷ luật, kỷ cương hành chính và về đạo đức công vụ.

**6.** Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị.

**7.** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, lưu trữ số góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

Nghiên cứu, học hỏi, áp dụng thí điểm những mô hình mới, những cách làm hay trong công tác cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố; Khuyến khích

thực hiện các giải pháp, sáng kiến và nhân rộng những mô hình, cách làm hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

**8.** Nâng cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các yêu cầu trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2015; duy trì hoạt động Ban chỉ đạo ISO của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tuyên truyền, phổ biến về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 theo mô hình khung trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân thực sự hiểu sâu, rộng về hệ thống quản lý chất lượng.

**9.** Hằng năm, quan tâm bố trí nguồn lực kinh phí hợp lý, đúng mức, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ công tác cải cách hành chính.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

### 1. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Căn cứ Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025 và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 ***(trước ngày 10/11/2021)*** và hàng năm ***(trước ngày 10/12 của năm trước liền kề năm kế hoạch)*** của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính của tỉnh; trong đó cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng tập thể, cá nhân trọng tổ chức triển khai thực hiện những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) theo quy định.

b) Chủ động chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo chất lượng, thời gian yêu cầu và định kỳ xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính *(theo hướng dẫn tại Công văn số 167/UBND-VXNV ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).*

d) Các Sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì các đề án, dự án trong Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 ***(Phụ lục kèm theo)*** ngoài các nhiệm vụ chung về cải cách hành chính cần phải xác định một cách cụ thể, rõ ràng lộ trình, thời gian xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát các đề án, dự án cải cách hành chính được giao.

**2. Sở Nội vụ:** là cơ quan thường trực về công tác cải cách hành chính của tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời theo dõi,

đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

b) Thường xuyên rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành và kiểm tra thực hiện cải cách hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh (PAPI), Chỉ số mức độ hài lòng của tỉnh (SIPAS). Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh; trực tiếp phụ trách công tác cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổng hợp, đề xuất chung trên tất cả các lĩnh vực của công tác cải cách hành chính.

d) Phối hợp với Sở Tài chính để thẩm định kinh phí hoạt động triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của các Sở, ban, ngành.

đ) Định kỳ hàng năm tham mưu tổ chức sơ, tổng kết công tác cải cách hành chính và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện xuất sắc công tác cải cách hành chính; đồng thời chủ động đề xuất phê bình, xử lý những cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính.

**3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:**

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với tổ chức, doanh nghiệp về thủ tục hành chính.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thủ tục hành chính; thời gian cắt giảm thủ tục hành chính và hoạt động hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh;

**4. Sở Tư pháp:**

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai; rà soát, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai công tác cải cách thể chế.

**5. Sở Tài chính:**

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, rà soát, kiểm tra, giám sát, tham mưu, tổng hợp kết quả triển khai công tác cải cách tài chính công.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kinh phí thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, tổng hợp và trình cấp có

thẩm quyền quyết định; chủ trì hướng dẫn các Sở, ban, ngành lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện.

c) Tham mưu đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai các nội dung về cải cách tài chính công và đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông:**

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, rà soát, kiểm tra, tham mưu, tổng hợp kết quả triển khai công tác xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số theo Kế hoạch này và các Đề án đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

b) Tham mưu triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh thực hiện Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền gắn với công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025; đồng thời ban hành Kế hoạch tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp tham gia các kênh tương tác của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

**7. Sở Khoa học và Công nghệ:**

a) Chủ trì, rà soát, kiểm tra, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất thực hiện tốt việc ứng dụng và theo dõi kết quả đã thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

**8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình cấp có thẩm quyền quyết định việc phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách địa phương và quy định hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và đề xuất giải pháp xử lý theo quy định.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

**9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các hình thức tuyên truyền về công tác cải cách hành chính như: Sáng tác tranh cổ động; in đĩa VCD

phát xuống các xã, thị trấn; xây dựng kế hoạch tuyên truyền lưu động xuống đến tận các thôn, khu phố. Lồng ghép vào những chương trình hoạt động văn hóa; biểu diễn nghệ thuật quần chúng.

**10. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

a) Chủ trì, tham mưu, rà soát các nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tiếp tục rà soát, tham mưu sắp xếp mạng lưới trường, lớp học trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

**11. Sở Y tế:**

a) Chủ trì tham mưu, rà soát các nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

**12. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh các huyện, thành phố:**

Chủ động xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương để tuyên truyền về Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tiếp nhận và phản ánh ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội về công tác cải cách hành chính nhà nước của địa phương.

**13.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác cải cách hành chính trong tổ chức mình; giám sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước.

*(Kèm theo Phụ lục khung kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025)./.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# PHỤ LỤC
# CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 681 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh )*

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH** | | | | | |
| 1 | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính hàng năm | Kế hoạch của UBND tỉnh | Trước 31/12 hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 2 | Báo cáo Cải cách hành chính định kỳ đảm bảo đúng tiến độ thời gian quy định | Báo cáo của UBND tỉnh | Theo quy định của Bộ Nội vụ | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 3 | Kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính | Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| a) | Kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính định kỳ *(lồng ghép nội dung kiểm tra các Bộ Chỉ số: PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT)* | Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| b) | Kiểm tra đột xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính gắn với việc thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương | Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 4 | Kế hoạch tuyên truyền công tác Cải cách hành chính hàng năm | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 5 | Kế hoạch Chuyên đề phát huy sáng kiến về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý IV/2021 | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 6 | Tổ chức gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp. | Kế hoạch của UBND tỉnh | Theo Kế hoạch hàng năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| **II** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** | | | | | |
| 1 | Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý IV hàng năm | Sở Tư pháp | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 2 | Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý IV hàng năm | Sở Tư pháp | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | thành phố | |
| 3 | Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | Báo cáo của UBND tỉnh | Quý IV hàng năm | Sở Tư pháp | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 4 | Báo cáo kết quả kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật | Báo cáo của UBND tỉnh | Quý IV hàng năm | Sở Tư pháp | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 5 | Công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực hàng năm | Quyết định của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Sở Tư pháp | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 6 | Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Sở Tư pháp | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| **III** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | Quyết định của UBND tỉnh | Thường xuyên trong năm | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | |
| 2 | Công bố thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính các cấp | Quyết định của UBND các cấp | Thường xuyên trong năm | Văn phòng UBND tỉnh | Các Sở, ban, ngành, UBND | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | các huyện, thành phố | |
| 3 | Kế hoạch kiểm tra công tác thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Văn phòng UBND tỉnh | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 4 | Công khai TTHC, tiến độ giải quyết TTHC; kết quả đánh giá giải quyết TTHC của Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn | - Danh mục TTHC, kết quả giải quyết TTHC được công khai trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.<br>- Tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được công khai trên Cổng thông tin dịch vụ công của tỉnh. | Thường xuyên trong năm | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 5 | Thực hiện nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC đảm bảo thời gian quy định | TTHC được cấp nhật trên hệ thống | Thường xuyên trong năm | Văn phòng UBND tỉnh | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 6 | Kế hoạch triển khai "Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công" | Quyết định của UBND tỉnh | Quý IV hàng năm | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | thành phố | |
| 7 | Tiếp tục triển khai xác định năng lực canh tranh đối với các Sở, ban, ngành, địa phương (DDCI) | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý I - theo nhu cầu hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 8 | Tham mưu kế hoạch tổ chức tự chấm điểm kết quả cải cách hành chính của tỉnh. | Kế hoạch, Báo cáo của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 9 | Tổ chức thẩm định, đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm đối với các Sở, ban, ngành, địa phương. | Kế hoạch, Thông báo của UBND tỉnh | Quý IV hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| **IV** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY** | | | | | |
| 1 | Tiếp tục rà soát, sắp xếp bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định. | Quyết định của UBND tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 2 | Tiếp tục triển khai phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ. | Quyết định của UBND tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các quy định hiện hành. | Quyết định của UBND tỉnh | Thường xuyên trong năm | Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 4 | Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/218/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ. | Quyết định của UBND tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 5 | Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương. | Đảm bảo thực hiện theo quy định và kịp thời | Theo Kế hoạch – lộ trình của Chính phủ | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 6 | Tiếp tục rà soát việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. | Thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính và phân loại đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh; nâng cấp đô thị | Theo Kế hoạch – lộ trình của Chính phủ | Sở Nội vụ | UBND các huyện, thành phố | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **V** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** | | | | | |
| 1 | Tiếp tục đổi mới công tác thi tuyển, thi nâng ngạch, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức | Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi tuyển, thi nâng ngạch, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức | Thường xuyên – theo nhu cầu hàng năm | Sở Nội vụ | Sở Thông tin và Tuyền thông, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 2 | Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và triển khai có hiệu quả | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý I hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 3 | Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ | Đảm bảo cơ sở để bố trí cán bộ theo quy định | Theo Kế hoạch hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 4 | Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức | Kế hoạch, Báo cáo của UBND tỉnh | Thường xuyên hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 5 | Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý IV/2021 | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | thành phố | |
| 6 | Đổi mới công tác thi thua, khen thưởng gắn với kết quả triển khai công tác cải cách hành chính, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. | Kế hoạch của UBND tỉnh; phát động thi đua; sơ, tổng kết phong trào thi đua | Thường xuyên hàng năm | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| **VI** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | | | | | |
| 1 | Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 và Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn của Trung ương. | Báo cáo của các cơ quan, đơn vị | Theo lộ trình hàng năm | Sở Tài chính | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước. | Báo cáo của UBND tỉnh | Trước 31/12 hàng năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 3 | Báo cáo kết quả thực hiện quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước *(các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách).* | Báo cáo của UBND tỉnh | Trước 31/12 hàng năm | Sở Tài chính | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 4 | Ban hành các Quyết định về quản lý, sử dụng tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ; tiến hành kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý tài sản công. | Quyết định của UBND tỉnh | Theo kế hoạch hàng năm | Sở Tài chính | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | thành phố | |
| 5 | Xây dựng Kế hoạch số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên chiếm từ 20% trở lên tổng số đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý IV năm 2021 | Sở Tài chính | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| **VIII** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ** | | | | | |
| 1 | Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương. | Chuyên mục trên Cổng TTĐT | Theo kế hoạch hàng năm | Sở Thông tin và Tuyền thông | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 2 | Xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp Công nghệ số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 | Kế hoạch của UBND tỉnh | Quý IV năm 2021 | Sở Thông tin và Tuyền thông | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 3 | Tổ chức duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử khi có phiên bản mới; tiếp tục duy trì triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) | Văn bản của UBND tỉnh | Thường xuyên hàng năm | Sở Thông tin và Tuyền thông | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 4 | Nâng cấp, mở rộng Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc để phù hợp với yêu cầu kết nối liên thông với các hệ thống thông tin | Dự án triển khai | Năm 2023 | Sở Thông tin và Tuyền thông | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |

| STT | NHIỆM VỤ CỤ THỂ | KẾT QUẢ, SẢN PHẨM | THỜI GIAN THỰC HIỆN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Kế hoạch duy trì, thực hiện Cổng dịch vụ công đáp ứng chức năng, yêu cầu kỹ thuật và tích hợp đầy đủ dịch vụ công mức độ 3,4 theo danh mục được phê duyệt; đảm bảo 100% số dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. | Kế hoạch của UBND tỉnh | Thường xuyên hàng năm | Sở Thông tin và Tuyền thông | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 6 | Hướng dẫn, kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. | Kế hoạch của UBND tỉnh | Thường xuyên hàng năm | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố | |